| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **24**/2024/DS-ST
Ngày: 10-4-2024
*"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Tô Thị B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968 (có mặt);

*2. Bị đơn*: - Anh Lê Quang Tr, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1973 (có mặt);

- Chị Trương Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977 (có mặt);

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Đinh Thị Thúy H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1990 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị B trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị tham gia góp hụi do anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T là chủ 04 dây hụi như sau: Dây hụi mở ngày 28/01/2020, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm 49

phần, chị tham gia góp 04 phần, chị mua 03 phần với số tiền là 432.000.000 đồng, 01 phần góp được 36 lần theo như số tiền được lĩnh 108.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 36 lần), anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải trả cho chị số tiền là 540.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 06/11/2021, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm 45 phần, chị tham gia góp 03 phần, chị mua 02 phần với số tiền là 264.000.000 đồng, 01 phần góp được 14 lần theo như số tiền được lĩnh 42.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 14 lần), anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải trả cho chị số tiền là 306.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 19/6/2022, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm 28 phần, chị tham gia góp 02 phần, chị mua với số tiền là 162.000.000 đồng, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải trả cho chị số tiền là 162.000.000 đồng; Chị làm chủ, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T tham gia góp dây hụi mở ngày 01/8/2022, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 phần, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T góp được 13 lần hụi sống lĩnh, còn lại 17 lần chưa góp còn phải trả cho chị số tiền là 34.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 17 lần). Tổng 04 dây hụi nói trên anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T nợ chị số tiền 1.042.000.000 đồng, sau khi đối chiếu nợ và trừ cấn các khoản là 115.000.000 đồng, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T còn phải trả cho chị số tiền hụi là 927.000.000 đồng, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T ghi biên nhận nợ hụi là 927.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 927.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trình bày như sau*:

Anh chị có làm chủ hụi từ năm 2020 nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình, trong quá trình làm chủ hụi các hụi viên góp hụi chậm trễ, đến ngày 06 tháng 11 năm 2022 âm lịch thì anh chị tuyên bố bể hụi không góp nữa, trong quá trình làm chủ chị không có đăng ký ở chính quyền địa phương, có lập danh sách hụi gửi cho các hụi viên tham gia 01 danh sách phô tô để hụi viên theo dõi, anh chị có ghi theo dõi. Chị Tô Thị B tham gia góp hụi anh chị làm chủ như sau: Dây hụi mở ngày 28 tháng 01 năm 2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm có 49 phần chị Tô Thị B tham gia góp 02 phần góp hụi sống 34 tháng với số tiền 102.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ tháng x 02 phần x 34 tháng) và mua 03 phần (Mỗi phần 85.000.000 đồng x 03 phầm là 255.000.000 đồng vốn), mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 28 hàng tháng, hụi có hoa hồng 3.000.000 đồng, chị Tô Thị B góp được 34 lần thì anh chị tuyên bố bể hụi (Ngày 06 tháng 11 năm 2022 âm lịch) không góp nữa. Nay anh chị còn thiếu chị Tô Thị B hụi vốn là 357.000.000 đồng, theo hụi được lĩnh là 459.000.000 đồng (204.000.000 đồng + 255.000.000 đồng), anh chị không yêu cầu trừ hoa hồng, thực tế anh chị có nhận 03 phần tiền

hoa hồng; Dây hụi mở ngày 06 tháng 11 năm 2021 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm có 45 phần chị Tô Thị B tham gia 02 phần hụi sống góp được 12 lần số tiền vốn là 36.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng x 2 phần x 12 tháng) mua 03 phần (Mỗi phần 49.500.000 đồng x 03 phầm là 148.500.000 đồng vốn), mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 06 hàng tháng, hụi có hoa hồng 3.000.000 đồng, chị Tô Thị B góp được 12 lần. Nay anh chị còn thiếu chị Tô Thị B hụi vốn là 184.500.000 đồng, theo hụi được lĩnh là 220.500.000 đồng (72.000.000 đồng (3.000.000 đồng/ phần x 02 phần x 12 lần), anh chị không yêu cầu trừ hoa hồng, thực tế anh chị có nhận 03 phần tiền hoa hồng; Dây hụi mở ngày 19 tháng 6 năm 2022 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm có 45 phần chị Tô Thị B mua 01 phần với số tiền vốn 43.750.000 đồng. Nay anh chị đồng ý trả cho chị Tô Thị B số tiền vốn là là 43.750.000 đồng. Ngoài ra, anh chị có tham góp hụi với chị Tô Thị B số tiền 45.000.000 đồng, góp thời gian 30 tháng mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời hạn là anh chị góp được 13 lần. Nay anh chị còn phải trả lại cho chị Tô Thị B là 20.000.000 đồng, còn chị Tô Thị B yêu cầu anh chị cho chị Tô Thị B 17 lần với số tiền 34.000.000 đồng là anh chị không đồng ý. Tổng 04 dây hụi nói trên anh chị còn nợ theo hụi vốn là 585.270.000 đồng, theo như tiền hụi được lĩnh là 723.270.000 đồng. Trong số tiền trên anh chị đã trả cho chị Tô Thị B trực tiếp nhận là 115.000.000 đồng, chị Đinh Thị Thúy H trực tiếp nhận 180.000.000 đồng. Hiện nay anh chị còn nợ lại chị Tô Thị B số tiền hụi là 290.270.000 đồng, anh chị hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi kinh tế ổn định trả thêm, anh chị không không có ý kiến yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày tháng năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Thúy H trình bày như sau*:

Vào cùng ngày xác nhận nợ của chị Tô Thị B là ngày 19/12/2022, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T đã thông qua và xác nhận nợ chị số tiền 282.000.000 đồng, riêng chị Tô Thị B thì anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T xác nhận nợ riêng là 927.000.000 đồng. Chị thấy việc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T nói trả trực tiếp cho chị số tiền 180.000.000 đồng là sai sự thật, vì vào ngày 13/10/2023, chị gửi đơn khởi kiện anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T, đến ngày 04/01/2024 được Tòa án nhân dân huyện An Biên hòa giải thành theo quyết định số 06/2024/QĐST-DS, từ số nợ 282.000.000 đồng, chị đồng ý nhận lại số tiền vốn là 180.000.000 đồng, số tiền này anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả dần cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày 24/02/2024, cho đến khi hết số nợ 180.000.000 đồng. Từ những nêu trên, chị tự xác định chị không có liên quan đến vụ án.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Biên nhận nợ

hụi các ngày 16/12/2022 âm lịch của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T (Bản phô tô và bản chính); Biên nhận nợ hụi các ngày 19/12/2022 âm lịch của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T (Bản phô tô và bản chính); Biên nhận nợ hụi ngày 19 tháng 12 năm 2022 âm lịch của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T (Bản sao); Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04 tháng 01 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 04 tháng 01 năm 2024, Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 06/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Tô Thị B xác định, sau khi anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T tuyên bố bể hụi thì các anh chị đối chiếu nợ và anh Lê Quang Tr, chị Trương Thị T còn nợ chị tổng số tiền 1.042.000.000 đồng và nợ chị Đinh Thị Thúy H 282.000.000 đồng, khi đó trừ các khoản nợ anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T còn phải trả cho chị 927.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 4.500.000 đồng nhưng đến nay không trả, chị yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 926.550.000 đồng và cho thêm anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T 226.550.000 đồng, chị chỉ yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T 700.000.000 đồng, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T tự xác định, tổng 04 dây hụi nói trên anh chị còn nợ theo hụi vốn là theo hụi vốn là 605.000.000 đồng, theo như tiền hụi được lĩnh là 723.270.000 đồng. Chị Tô Thị B yêu cầu anh chị trả 700.000.000 đồng, anh chị đồng ý trả nhưng phải trừ lại số tiền 115.000.000 đồng chị Tô Thị B đã trừ cấn nợ, chị Đinh Thị Thúy H trực tiếp nhận 180.000.000 đồng. Anh chị còn nợ lại chị Tô Thị B số tiền hụi là 405.000.000 đồng, anh chị hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi kinh tế ổn định trả thêm, anh chị không không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Thúy H tự xác định, chị không có liên quan đến vụ án chị Tô Thị B khởi kiện anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T, khi đó anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T đối chiếu xác định nợ và ghi biên nhận nợ chị Tô Thị B 927.000.000 đồng và nợ chị 282.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị

đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Tô Thị B yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 700.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tô Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả tiền hụi còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 6B, xã N, huyện AB, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Tô Thị B và anh Lê Quang Tr, chị Trương Thị T xác lập bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, không ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân; ngày tháng năm sinh, lãi suất trong họ có lãi; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường, nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xét khởi kiện của chị Tô Thị B yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ lại là 927.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 4.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 926.550.000 đồng nhưng đến nay không trả, chị yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 926.550.000 đồng và cho thêm anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T 226.550.000 đồng, chị chỉ yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T 700.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Biên nhận nợ hụi ngày 16/12/2022 âm lịch của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T, khi đó các anh chị đối chiếu từng dây hụi thì anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T nợ chị Tô Thị B tổng số tiền hụi được lĩnh là 1.042.000.000 đồng, sau khi trừ cấn 04 người tham gia góp hụi cùng với số tiền là 115.000.000 đồng, thì anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T còn trả cho chị Tô Thị B số tiền hụi là 926.550.000 đồng

và ghi biên nhận nợ hụi ngày 19/12/2022 âm lịch là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 91, khoản 4 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là sự tự nguyện của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T, do đó có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tô Thị B tiếp tục tự nguyện trừ tiền hoa hồng 4.500.000 đồng và cho thêm anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T 226.550.000 đồng, chị chỉ yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 700.000.000 đồng nên ghi nhận.

Xét trình bày của anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T cho rằng sau khi bể hụi anh chị nợ chị Tô Thị B số tiền 04 dây hụi nói trên theo hụi vốn là 605.000.000 đồng, theo như tiền hụi được lĩnh là 723.270.000 đồng, anh chị đã trả cho chị Tô Thị B trực tiếp nhận là 115.000.000 đồng và chị Đinh Thị Thúy H con của chị Tô Thị B trực tiếp nhận 180.000.000 đồng, hiện nay anh chị còn nợ chị Tô Thị B số tiền hụi là 290.270.000 đồng, anh chị hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi kinh tế ổn định trả thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì sau khi anh chị tuyên bố bể hụi có đối chiếu nợ tiền hụi chị Tô Thị B 04 dây hụi gồm 10 phần là 1.042.000.000 đồng, sau khi trừ cấn 04 người tham gia góp hụi cùng với số tiền là 115.000.000 đồng, còn nợ chị Tô Thị B với số tiền là 927.000.000 đồng theo biên nhận nợ hụi ngày 16/12/2022 âm lịch, đến ngày 19/12/2022 âm lịch anh chị ghi biên nhận cho chị Tố Thị Bình số tiền là 927.000.000 đồng và nợ chị Đinh Thị Thúy H số tiền là 282.000.000 đồng là 02 khoản nợ riêng biệt. Sau đó anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T không trả, chị Đinh Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết anh Lê Quang Tr, chị Trương Thị T và chị Đinh Thị Thúy H thống nhất số lượng tiền hụi và thời gian trả, hòa giải thành, được giải quyết xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 06/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang, còn nợ số tiền hụi của chị Tô Thị B là 926.550.000 đồng, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả tiền hụi nói trên cho chị Tô Thị B mà anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T xác định đã trả theo biên nhận nợ hụi ngày 16/12/2022 âm lịch. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Tô Thị B và chị Đinh Thị Thúy H cũng không thừa nhận, do đó buộc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị Tô Thị B số tiền hụi còn nợ.

Ngoài ra, tổng số tiền 04 dây hụi gồm 12 phần hụi nói trên, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị Tô Thị B và chị Đinh Thị Thúy H theo hụi

được lĩnh với số tiền là 1.324.000.000 đồng, sau khi trừ cấn 04 khoảng nợ số tiền 115.000.000 đồng thì anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T còn phải trả cho chị Tô Thị B và chị Đinh Thị Thúy H số tiền hụi sống được lĩnh là 1.209.000.000 đồng, trong đó nợ chị Tô Thị B là 926.550.000 đồng và nợ chị Đinh Thị Thúy H là 282.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết 02 vụ án chị Tô Thị B chỉ yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền là 700.000.000 đồng và chị Đinh Thị Thúy H chỉ yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền là 180.000.000 đồng là phù hợp. Việc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T xác định còn nợ lại chị Tô Thị B số tiền hụi vốn là 290.270.000 đồng là không có căn cứ, vì anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T làm chủ hụi là người tổ chức, quản lý dây hụi, thu và giao các phần hụi đó cho thành viên được lĩnh hụi trong mỗi kỳ mở hụi cho đến khi kết thúc dây hụi, không phải là người nộp phần lãi nên việc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T xin bớt tiền lãi hụi sống chênh lệch là 409.270.000 đồng (700.000.000 đồng - 290.270.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T đồng ý trả cho chị Tô Thị B 700.000.000 đồng nhưng phải trừ lại số tiền 115.000.000 đồng chị Tô Thị B đã trừ cấn nợ trước đó, chị Đinh Thị Thúy H trực tiếp nhận 180.000.000 đồng, anh chị còn nợ lại chị Tô Thị B số tiền hụi là 405.000.000 đồng, anh chị hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi kinh tế ổn định trả thêm là không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị B, buộc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Tô Thị B số tiền hụi còn nợ lại là 700.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, chị Tô Thị B rút lại yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ lại là 226.550.000 đồng nên đình chỉ xét xử và chị Tô Thị B không yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 3, khoản 4, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải trả cho chị Tô Thị B số tiền hụi được lĩnh còn nợ lại là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Tô Thị B rút lại yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả cho chị số tiền hụi còn nợ lại là 226.550.000 đồng và chị Tô Thị B không yêu cầu anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc anh Lê Quang Tr và chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng (700.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 300.000.000 đồng x 4%).

Chị Tô Thị B không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Tô Thị B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.905.000 đồng theo biên lai thu số 0008916 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/4/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AB;
- CC THADS huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**